

Số: 1885/QĐ-UBND

Thành phố Lai Châu, ngày 07 tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**V/v Bồi thường, hỗ trợ dự án: Nâng cấp, cải tạo tỉnh lộ 130
(San Thàng – Thèn Sin – Mường So)**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

*Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy
định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài
nguyên và Môi trường Quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi
Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND
tỉnh Lai Châu Về việc ban hành Quy định một số nội dung về trình tự thực hiện
thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa
bàn tỉnh Lai Châu;*

*Căn cứ Quyết định số 1653/QĐ-UBND ngày 23/9/2021 của UBND thành
phố Lai Châu về việc Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án:
Nâng cấp đường tỉnh lộ 130 (San Thàng – Thèn Sin – Mường So);*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Lai
Châu tại Tờ trình số 652/TTr-TNMT ngày 04/10/2021.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình bà Hồ Thị Tý – Cư trú tại:
Bản Chín Chu Chải, xã San Thàng, thành phố Lai Châu, cụ thể như sau:

1. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ Chủ đầu tư phải chi trả là:
59.333.011 đồng.

*(Bằng chữ: Năm mươi chín triệu ba trăm ba mươi ba nghìn không trăm mười
một đồng)*

(Có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo).

2. Thời gian, địa điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và thời gian bàn giao
đất đã thu hồi:

- Thời gian: Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện xong việc
niêm yết công khai Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ dự án.

- Địa điểm tại Trụ sở UBND xã San Thàng.

- Thời gian bàn giao đất đã thu hồi: Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ
ngày Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố chi trả xong tiền bồi thường, hỗ trợ

thì hộ gia đình bà Hồ Thị Tý có trách nhiệm bàn giao đất sạch cho Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND-UBND thành phố; Trưởng các phòng: Tài nguyên - Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế, Quản lý đô thị; Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố; Chủ tịch UBND xã San Thành, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và hộ gia đình, cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

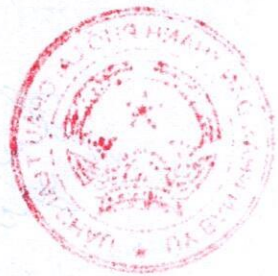
Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Chủ tịch UBND thành phố (b/c);
- BQLDA Đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Lai Châu;
- Trang TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, TNMT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



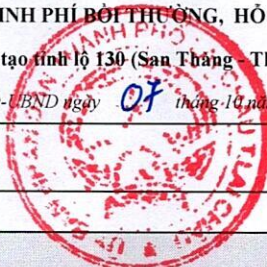
Đỗ Văn Xiêng



BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ

Dự án: Nâng cấp, cải tạo tỉnh lộ 130 (San Thàng - Thèn Sin - Mường So)

(Kèm theo Quyết định số: **1885** QĐ-UBND ngày **07** tháng **10** năm 2021 của UBND thành phố Lai Châu)



TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6=4*5	7
1	Hộ gia đình bà Hồ Thị Tý					
	Địa chỉ thường trú: Bản Chín Chu Chải, xã San Thàng, thành phố Lai Châu					
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ (a+b+c).				59.333.011	
a	Về đất					4.070.000
1	Diện tích thu hồi	m ²	14,8			
2	Loại đất:					
2.1	Đất ở Nông thôn (Truy thu nghĩa vụ tài chính 50%)	m ²	14,8	275.000	4.070.000	
	Vị trí: vị trí 1 (Khu vực 1)					
	Nguồn gốc: Nhận chuyển nhượng QSD đất và nhà ở của chủ ruột là ông Hồ Văn Hải năm 2007 (không có giấy tờ chuyển nhượng). Đất ông Hải nhận tặng cho QSD đất của em gái ruột là bà Hồ Thị Mới năm 2003 (không có giấy tờ). Đất bà Mới khai hoang sử dụng từ năm 1990 (không có giấy tờ). Sử dụng vào mục đích đất ở từ tháng 2/2004. Phần diện tích 1.8 m2 đang chồng lấn lên thửa 19 TBD 42 đang quy chủ đất DGT, trên thực tế gia đình bà Hồ Thị Tý đang sử dụng có nguồn gốc Nhận chuyển nhượng QSD đất và nhà ở của chủ ruột là ông Hồ Văn Hải năm 2007 (không có giấy tờ chuyển nhượng). Đất ông Hải nhận tặng cho QSD đất của em gái ruột là bà Hồ Thị Mới năm 2003 (không có giấy tờ). Đất bà Mới khai hoang sử dụng từ năm 1990 (không có giấy tờ). Sử dụng vào mục đích đất ở từ tháng 2/2004, nguyên nhân chồng lấn là do giữa các lần đo đạc, đo đạc quy chủ chưa chính xác. Toàn bộ diện tích đất thu hồi sử dụng ổn định không tranh chấp.					
b	Về tài sản vật kiến trúc (1 phần tài sản gồm nhà và bể do ông Hồ Văn Hải tạo lập vào tháng 2 năm 2004. 1 Phần tài sản gồm tường bao, sân, cổng, bán mái do bà gia đình bà Hồ Thị Tý xây dựng năm 2008. không bị lập biên bản vi phạm hành chính, xây dựng trước kế hoạch sử dụng đất hàng năm được phê duyệt, tài sản sử dụng ổn định, không tranh chấp, sử dụng đúng mục đích sử dụng, hỗ trợ bằng 100% mức bồi thường tại điểm c, khoản 7 điều 21, QĐ 16/2020/QĐ-UBND)					55.263.011
	Tài sản nằm trên diện tích đất thu hồi					
1	Nhà xây gạch bi T12cm mái lợp tôn nền lát gạch liên doanh trần nhựa không hiên cao 3.3 m (0,2*4,1)	m ²	0,82	1.722.600	1.412.532	
2	Bán mái khung sắt lợp tôn (2.5*4.9)	m ²	12,25	334.400	4.096.400	
3	Tường xây gạch bi T12 cm (2.8*1.3)	m ²	3,64	127.600	464.464	
4	Trụ cổng xây gạch bi (1.4*0.25*0.25)*2	m ³	0,18	546.700	95.673	
5	Cổng sắt tạm (2*1.4) (tính bằng khung sắt lưới B40)	m ²	2,80	123.200	344.960	
6	Tường xây gạch bi T12 cm (2.8*1.9)	m ²	5,32	127.600	678.832	
7	Khung sắt (2.8*1.2) (tính bằng khung sắt lưới B40 trừ đơn giá lưới B40 25.000đ)	m ²	3,36	98.200	329.952	
8	Khung sắt (1.8*0.5) (tính bằng khung sắt lưới B40 trừ đơn giá lưới B40 25.000đ)	m ²	0,90	98.200	88.380	
9	Khung sắt lưới B40 (2.2*0.9)	m ²	1,98	123.200	243.936	
10	Nhựa Quây (3.2*0.9)	m ²	2,88	37.900	109.152	
11	Khung sắt lưới B40 (1*3.2)	m ²	3,20	123.200	394.240	
12	Nhựa Quây (1*3.2)	m ²	3,20	37.900	121.280	
13	Tường xây gạch Bi T12cm (1*2.7)	m ²	2,70	127.600	344.520	
	Tài sản ảnh hưởng không sử dụng được					
1	Nhà xây gạch bi T12cm mái lợp tôn nền lát gạch liên doanh trần nhựa không hiên cao 3.3 m (6,4*4,1)	m ²	26,24	1.722.600	45.201.024	
2	Bán mái khung sắt lợp tôn (2.5*1,3)	m ²	3,25	334.400	1.086.800	
3	Tấm đan BTCT (1.5*1.2*0.1)	m ³	0,18	1.393.700	250.866	

